

SỰ THỐNG NHẤT GIỮA CÁI BỘ PHẬN VÀ CÁI CHỈNH THỂ TRONG TÁC PHẨM *TƯ BẢN* CỦA C. MÁC

TRẦN THỊ GIANG THANH*

Tác phẩm Tư bản là một trong những thành tựu lý luận vĩ đại mà C. Mác đã để lại cho nhân loại. Nội dung của tác phẩm không chỉ cung cấp cho người đọc những tri thức về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về thị trường tư bản chủ nghĩa, mà ở đây, chúng ta tiếp thu được cả ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ cách tiếp cận ở góc độ triết học, bài viết trình bày về sự thống nhất giữa cái bộ phận và cái chỉnh thể trong tác phẩm Tư bản của C. Mác.

Từ khóa: Tư bản, kinh tế chính trị học, C. Mác

Nhận bài ngày: 10/3/2020; *đưa vào biên tập:* 15/3/2020; *phản biện:* 25/3/2020; *duyet đăng:* 10/5/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

C. Mác (1818 - 1883), nhà chính trị - kinh tế học, triết học... lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản thế giới. Với những cống hiến mang ý nghĩa to lớn, lý luận khoa học của C. Mác - một cương lĩnh chính trị, lý luận có giá trị định hướng thời đại - đi vào phong trào công nhân, trang bị thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới, giúp họ nhận thức thế giới, tiến tới cải tạo thế giới.

Gắn với tên tuổi của C. Mác là những tác phẩm nổi tiếng, tiêu biểu như: *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel (1843 - 1844)*; *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*; *Sự khốn*

cùng của triết học (1846 - 1847); *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (2/1848)*... Đặc biệt, tác phẩm *Tư bản*, tập 1 lần đầu tiên xuất bản bằng tiếng Đức ngày 14/9/1867 và sau này tác phẩm đã được Ph. Ăngghen tiếp tục hoàn thiện.

Tác phẩm *Tư bản* của C. Mác là một công trình khoa học lớn, kết quả của suốt 40 năm lao động miệt mài, nghiêm túc. *Tư bản* không chỉ là tác phẩm quan trọng về kinh tế chính trị học của giai cấp vô sản, mà còn là một tác phẩm đã luận chứng toàn diện về hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của tác phẩm cung cấp cho người đọc những tri thức về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về thị trường tư bản chủ nghĩa và đồng thời giúp chúng ta tiếp thu được ba bộ phận cấu thành của

* Trường Đại học Dược Hà Nội.

chủ nghĩa Mác - Lênin: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Tác phẩm này dù được tiếp cận ở bất kỳ khía cạnh nào vẫn cho thấy tư duy C. Mác theo những tầng bậc, những mức độ khác nhau về sự thống nhất giữa cái bộ phận và cái chỉnh thể. Tuy nhiên, khi tiếp cận bộ *Tư bản* từ góc độ triết học, sự thống nhất giữa cái bộ phận và cái chỉnh thể của tư duy C. Mác được thể một cách toàn diện nhất.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự thống nhất giữa cái bộ phận và cái chỉnh thể thể hiện trong kết cấu của tác phẩm

Trong phần mở đầu tập 3 của tác phẩm *Tư bản*, C. Mác viết: “cần phải tìm ra và mô tả được những hình thái cụ thể đề ra từ quá trình vận động của tư bản với tư cách là một chỉnh thể” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 25, 2004: 48). Khi xem xét tập 1 “Quá trình sản xuất của tư bản”, cho thấy đối tượng trực tiếp được C. Mác đề cập tới là quá trình sản xuất giản đơn. Tập 2, ông đã trình bày quá trình lưu thông cũng như sự thống nhất giữa quá trình sản xuất và lưu thông, quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, song chỉ ở dưới dạng tổng quát. Tập 3, C. Mác xem xét sự thống nhất giữa sản xuất và lưu thông ấy, nhưng xem xét một cách cụ thể trong quá trình vận động của tư bản với tư cách là cái chỉnh thể. Ở đây, C. Mác đã mô tả sự vận động của hiện thực tư bản như một chỉnh thể toàn vẹn, sinh động nhiều góc cạnh.

Tập 3 của tác phẩm *Tư bản* bắt đầu bằng sự so sánh đối tượng nghiên cứu của tập 1 và tập 2. Mặc dù, đối tượng nghiên cứu chủ yếu của tập 1 là quá trình sản xuất trực tiếp, song ở đây C. Mác đã xét tới các hiện tượng lưu thông. Cụ thể, quá trình tuần hoàn của tư bản trải qua ba giai đoạn: *một là*, nhà tư bản xuất hiện trên thị trường với tư cách là người mua, với tiền của mình thực hiện hành vi lưu thông T - H; *hai là*, quá trình sản xuất; *ba là*, hành vi lưu thông H - T, khi nhà tư bản trở lại thị trường với tư cách là người bán những hàng hóa đã được sản xuất ra.

Trong tập 1 đã đề cập hai hành vi lưu thông, tuy nhiên nó chưa phải là đối tượng nghiên cứu của tập này. Việc xem xét hành vi lưu thông ở đây nhằm mục đích để hiểu được quá trình sản xuất của tư bản. Như vậy, ở tập 1 và tập 2 cả phương diện sản xuất và lưu thông đều được C. Mác đề cập, song, đối tượng nghiên cứu chính của tập 1 là sản xuất, của tập 2 là lưu thông. Tập 3, C. Mác đã trình bày cả hai quá trình sản xuất và lưu thông và mối quan hệ của hai quá trình này.

Sự khác nhau trong cách xem xét của C. Mác về sự thống nhất giữa quá trình sản xuất lưu thông trong phần ba của tập 2 và trong toàn bộ tập 3 là ở chỗ: nếu như trong phần ba của tập 2, C. Mác xem xét các sự kiện trong mối liên hệ trong lòng của chính giai cấp tư sản, còn trong tập 3, tư bản lại được nghiên cứu một cách toàn diện trong toàn bộ phạm vi của nó (cả

trong sản xuất và lưu thông). Sự thống nhất của quá trình sản xuất và lưu thông trong tập 3: “không thể bó hẹp nó vào những suy nghĩ chung chung về sự thống nhất ấy. Trái lại, ở đây cần phải tìm ra và miêu tả những hình thái cụ thể nảy sinh từ quá trình vận động của tư bản coi như một chỉnh thể” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 25, 2004: 48).

Có thể nói, trong cả ba tập tác phẩm *Tư bản*, tư bản được xét như một chỉnh thể thống nhất của các yếu tố cấu thành. Đó là, quá trình sản xuất và quá trình lưu thông, song để đạt tới nhận thức về sự thống nhất đó, thì trong mỗi tập cần phải nghiên cứu từng bộ phận của quá trình tuần hoàn của tư bản. Do đó, đối tượng nghiên cứu chủ yếu trong mỗi tập là mối liên hệ giữa đối tượng, có cách thức liên hệ riêng, với những bộ phận còn lại của chỉnh thể. Tuy nhiên, muốn hiểu được thực chất phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì cần phải làm rõ từng bộ phận cấu thành nó, mối quan hệ, sự tương tác, sự chuyển hóa, biến đổi giữa các bộ phận ấy.

2.2. Sự thống nhất giữa cái bộ phận và cái chỉnh thể thể hiện ở việc trình bày về "hàng hóa sức lao động"

Trong *Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*, C. Mác đã đưa ra khái niệm “lao động bị tha hóa”. Phát triển tư tưởng ấy, khi đặt vấn đề về sức lao động trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa C. Mác thấy rằng, về thực chất nó là một thứ hàng hóa như bao

thứ hàng hóa khác. Ông cho rằng, sức lao động là “toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 23, 2004: 251). Với ý nghĩa đó, sức lao động được xem như một bộ phận của quá trình lao động. Tuy nhiên, trong mỗi điều kiện lịch sử khác nhau, thì bản thân sức lao động lại tồn tại dưới những hình thái khác nhau.

Chế độ tư bản chủ nghĩa là sự phát triển hoàn thiện chế độ tư hữu. Bất kỳ quá trình lao động nào, ở bất kỳ thời đại nào, cũng cần có sức lao động của con người như một yếu tố cấu thành quan trọng nhất. Song, không phải ở bất kỳ giai đoạn nào sức lao động cũng trở thành hàng hóa, mà chỉ có ở trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì lao động mới trở thành hàng hóa.

Thông qua sự vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa bộ phận và chỉnh thể, C. Mác đã làm rõ tính khác biệt giữa sức lao động của người công nhân trong chế độ tư bản chủ nghĩa, với sức lao động của người lao động trong các chế độ xã hội trước đó. Sức lao động của người công nhân trong chế độ tư bản chủ nghĩa đã bị chính phương thức tư bản chủ nghĩa quy định để trở thành một thứ hàng hóa như bao hàng hóa khác. Do đó, bản thân người công nhân cũng trở thành hàng hóa như bao hàng hóa khác.

Người công nhân được thừa nhận giá trị không hơn gì một vật phẩm. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giá trị của nhân phẩm bị hạ xuống thành giá trị của vật phẩm. Còn giá trị của vật phẩm, do chỗ vật phẩm bị tách rời khỏi người lao động để trở thành một lực lượng xa lạ đã trở thành sức mạnh thần bí chi phối mọi quan hệ, mọi phương diện của đời sống xã hội. Trong tương quan với “đồng hàng hóa khổng lồ” tư bản chủ nghĩa, sức lao động của người công nhân được hiểu như một bộ phận cấu thành. Sản xuất vật phẩm từ chỗ phục vụ con người, từ chỗ là một bộ phận trong đời sống con người, thì nay “sản xuất ra bản thân sản phẩm của mình với tư cách là tư bản” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 23, 2004: 909). Đó chính là sự thể hiện khách quan của tính quy định chính thể đến các bộ phận hợp thành.

Mặt khác, khi sức lao động đã trở thành hàng hóa, điều đó còn cho thấy người công nhân lúc này lao động không phải vì mình, cho mình, mà là lao động cho kẻ khác và vì kẻ khác. Điều đó là tất yếu, khi mà quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là dựa trên sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Vì vậy, sức lao động được hiểu như năng lực thuộc về người lao động để thực hiện bản thân mình với tư cách một con người, thì nay đã trở thành một thứ mà anh ta càng nhượng đi, bán đi, biến thành cái không phải của mình, cho mình càng nhiều càng tốt. Do đó, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản với tư cách là giai cấp

tổ chức xã hội, đã khiến cho mọi hoạt động của các giai cấp trong xã hội đó được tổ chức lại, được tiến hành theo cách thức của chính giai cấp tư sản. Thông qua việc bán sức lao động của người công nhân trong chế độ tư bản chủ nghĩa cho thấy rõ bản chất bóc lột của giai cấp tư sản, giai cấp thống trị xã hội. Kể từ khi sức lao động bị biến thành hàng hóa, “bắt đầu từ lúc đó thì hình thái hàng hóa của các sản phẩm lao động mới mang tính chất phổ biến” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 23, 2004: 255). Điều đó, có nghĩa là trong xã hội đó tất cả mọi thứ đều trở thành hàng hóa, và quan hệ xã hội đều mang tính chất của quan hệ mua bán, theo kiểu “chỉ còn là những quan hệ tiền nong đơn thuần” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 4, 2004: 600). Do đó, cũng có nghĩa rằng toàn thể loài người chỉ là bộ phận cấu thành được tổ chức lại từ chính thể tư bản chủ nghĩa và phải phục vụ chính thể ấy.

2.3. Sự thống nhất giữa cái bộ phận và cái chỉnh thể thể hiện trong quan niệm về “người công nhân”

Khi xem xét xã hội tư bản chủ nghĩa, Tác phẩm *Tư bản* cho thấy hình dáng xã hội đó được nhào nặn theo mục đích của giai cấp tư sản, cho nên bất kỳ một bộ phận nào của chỉnh thể xã hội ấy đều mang màu sắc của giai cấp tư sản. Vì vậy, khi xem xét người công nhân trong xã hội đó, tác phẩm *Tư bản* đã chỉ ra, về thực chất giai cấp công nhân chỉ là một bộ phận cấu thành của chỉnh thể xã hội tư bản, mà ở đó giai cấp tư sản đang thực hiện

đời sống của mình trên phạm vi toàn xã hội. Do vậy, giai cấp công nhân khi đang còn là một bộ phận của chính thể, thì nó không thể nào tự tổ chức được bản thân mình. Mọi phương diện trong sự tồn tại của giai cấp công nhân đều là do chính thể giai cấp tư sản tạo dựng nên, kể cả phương diện tồn tại vật chất và phương diện tồn tại tinh thần.

Xem xét sự tồn tại của người công nhân suốt quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp phát triển qua các thời kỳ, từ công trường thủ công đến máy móc đại công nghiệp, có thể thấy sự tồn tại của người công nhân với tư cách là một bộ phận cấu thành của quá trình sản xuất có những sắc thái biểu hiện khác nhau, nhưng xét về bản chất thì nó không thay đổi.

Giai đoạn công trường thủ công, khi quá trình sản xuất được tiến hành chủ yếu dựa trên sự bóc lột trực tiếp sức lao động sống của người công nhân, tương ứng với phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản. Ở giai đoạn ấy, toàn bộ người công nhân tồn tại như một cỗ máy sống, trong đó, mỗi người công nhân là một chi tiết bộ phận. Suốt những tháng năm làm việc của mình, mỗi người công nhân chỉ gắn bó với một khâu, một thao tác nhất định trong tổng thể quá trình sản xuất. Giá trị thặng dư được tạo ra trong thời kỳ này là kết quả của việc kéo dài tuyệt đối thời gian lao động của người công nhân, và ngày lao động càng kéo dài

thì tuổi thọ người công nhân càng bị rút ngắn. Tình hình đó vẽ nên “cái viễn cảnh của sự thoái hóa của nhân loại trong tương lai và tính cho đến cùng là sự chết dần mòn không tránh khỏi của nhân loại” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 23, 2004: 394).

Khi bước vào thời kỳ máy móc đại công nghiệp, bản thân người công nhân cũng không có gì tốt đẹp hơn. Do sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, máy móc được đưa vào thay thế cho sức lao động của con người, và nhờ máy móc, mà sức lao động của con người được giải phóng. Tuy nhiên, cũng không thể nào phủ nhận được rằng, vì có sự thay thế của máy móc đối với lao động sống mà người công nhân càng trở nên khốn khổ hơn. Bởi khi, những thao tác chân tay được giảm nhẹ, thì lao động của người công nhân lúc này trở thành một bộ phận phụ thuộc hoàn toàn vào máy móc, nó trở thành đối tượng phục tùng máy móc “người ta đã lạm dụng máy móc để biến người công nhân, ngay lúc họ còn thơ ấu, thành một bộ phận của cái máy bộ phận” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 23, 2004: 604). Do đó, việc giảm nhẹ lao động lại trở thành một phương tiện nhục hình, bởi nó đã làm cho lao động của người công nhân mất hết nội dung, “với tư cách là lao động chết thống trị và bòn rút lao động sống” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 23, 2004: 606). Cùng với việc áp dụng máy móc vào sản xuất, người công nhân phải làm việc với một cường độ cao hơn.

Đó chính là cơ sở để nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư tương đối, một hình thức bóc lột tinh vi hơn nhiều so với các giai đoạn trước.

Như vậy, người công nhân trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa đã bị biến thành một bộ phận giản đơn, phiến diện. Xét một cách trực tiếp, thì nó là một bộ phận của quá trình sản xuất, tựa như chi tiết của cả một cỗ máy lớn, sâu xa hơn thì nó là một bộ phận được tổ chức và vận hành theo phương thức của giai cấp nắm giữ tư liệu sản xuất xã hội, đồng thời là giai cấp thống trị xã hội, đó là giai cấp tư sản. Do vậy, tư liệu sản xuất, đáng lẽ ra phải là công cụ, phương tiện để phục vụ con người, thì nay lại trở thành công cụ, phương tiện để nô dịch con người. Bởi thế, trong xã hội tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân không thể nào có được khả năng tự tổ chức bản thân để trở thành một giai cấp cho mình, vì mình. Nhờ nắm giữ tư liệu sản xuất xã hội, mà giai cấp tư sản có được khả năng làm tê liệt sự tự tổ chức của giai cấp công nhân. Vì vậy, hoạt động sản xuất ra vật phẩm của người công nhân lại chính là hoạt động sản xuất ra tư bản, đó cũng chính là hoạt động sản xuất ra đời sống của kẻ thống trị mình - đời sống của giai cấp tư sản. Điều đó, đã dẫn đến mâu thuẫn là, khi người công nhân càng tích cực sản xuất ra đời sống của mình bao nhiêu, thì đồng thời, anh ta cũng sản xuất ra đời sống của kẻ nô dịch mình bấy nhiêu. Bên cạnh đó, “giai cấp nào chi phối những

tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu sản xuất tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 3, 2004: 66). Bởi vậy, không những chỉ trong phương diện tồn tại vật chất, mà ngay cả trong phương diện tồn tại tinh thần, đời sống tinh thần của giai cấp công nhân cũng là kết quả của sự tổ chức bởi giai cấp tư sản.

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cũng như giai cấp tư sản với tư cách là giai cấp tổ chức xã hội không thể tồn tại vĩnh hằng, hàng ngày hàng giờ trong quá trình sống của mình, nó vẫn đã và đang tự đề ra những yếu tố để tự phủ định chính mình. Với tất cả những điều kiện, do chính giai cấp nắm quyền tổ chức nên mà xã hội đem lại, thì giai cấp vô sản đã thực sự trở thành lực lượng duy nhất có đầy đủ khả năng xóa bỏ xã hội tư bản để xây dựng một xã hội thực sự là “vương quốc tự do” của loài người: xã hội Cộng sản. Nhưng đó là một quá trình lâu dài và quá trình đó chỉ thực sự bắt đầu khi mà tại đó, những người vô sản tự ý thức và tự tổ chức lại bản thân mình với tư cách là chính thể toàn nhân loại. Khi đó nhiệm vụ hàng đầu là xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, để thông qua đó bản chất người được trả lại cho con người, do đó cũng là tự nhiên được trả về với tự nhiên, chính thể được hoàn thiện trong trạng thái lý tưởng.

Rõ ràng, đó là một quá trình lâu dài, đau đớn, gian khổ, song nó cũng hoàn toàn hiện thực. Bởi vậy, khi khả năng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản ngày càng trở thành hiện thực, thì điều đó cho thấy bản chất bóc lột của giai cấp tư sản ngày càng rõ rệt và giai cấp tư sản ngày càng không thể giải quyết nổi những vấn đề của xã hội do nó tạo ra. Vì vậy, “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản là điều tất yếu như nhau” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 4, 2004: 613).

3. KẾT LUẬN

Như vậy, trong *Tư bản* C. Mác đã nghiên cứu phương thức sản xuất tư

bản chủ nghĩa thể hiện ở sự thống nhất giữa bộ phận và chỉnh thể. Thông qua mỗi hiện tượng kinh tế, ông đã cho thấy sự sinh động của toàn bộ chỉnh thể xã hội tư bản. Do đó, mỗi phạm trù thể hiện những hiện tượng kinh tế riêng rẽ lại ôm chứa trong mình khả năng thể hiện toàn bộ những phạm trù khác. Mặt khác, cả cái bộ phận và cái chỉnh thể được C. Mác xem xét trong tiến trình vận động, phát triển, cho nên những kết luận khoa học mà ông đưa ra không chỉ mang ý nghĩa là sự giải thích cái đang có mà hơn thế nữa còn là sự dự báo cái sinh thành, cái tiến bộ đang đi tới. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

C. Mác và Ph. Ăngghen. 2004. *Toàn tập*, tập 3, 4, 23, 25. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.